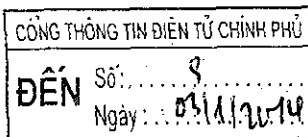


Số: 30/2013/NQ-HĐND

Nam Định, ngày 12 tháng 12 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

**Đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng
ở thành phố Nam Định**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc Ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/3/2006 của Bộ Văn hoá Thông tin (nay là Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố, công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 154/TTr-UBND, ngày 27/11/2013 của UBND tỉnh về việc đặt, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ở thành phố Nam Định;

Sau khi nghe báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội HĐND và ý kiến của các đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

- Đặt tên 114 tuyến đường, phố; 01 cầu và 01 công trình công cộng;
- Kéo dài 05 tuyến đường, phố cũ;
- Đổi tên 01 đường.

(Có danh sách và phân định địa giới kèm theo)

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày HĐND tỉnh thông qua.

Điều 3. Giao UBND tỉnh chỉ đạo việc tổ chức thực hiện gắn biển tên đường, phố và công trình công cộng nêu trên trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực.

Điều 4. Thường trực HĐND, các ban HĐND, các đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Nam Định khoá XVII, Kỳ họp thứ 7 thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp, Bộ GTVT, Bộ VH-TT-DL;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 3, Điều 4;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- HĐND thành phố Nam Định;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Nam Định, Công báo tỉnh;
- Website Chính phủ, website tỉnh;
- Lưu: VT.



Phạm Hồng Hà



**DANH SÁCH ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG, PHỐ VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
Ở THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH**

*Ban hành kèm theo Nghị quyết số 30/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013
của HĐND tỉnh Nam Định)*

I. Đặt tên đường, phố

Stt	Tên cũ	Địa giới đường	Chiều dài (m)	Đặt tên mới
I	Khu Tái định cư Tây Đông Mạc: 05 tuyến			
1	Đường N9	Từ Nguyễn Đức Thuận đến đường 52m (4+7+4) = 15 m	210	Phố Thích Thế Long
2	Đường D7	Từ Bế Văn Đàn đến Lương Đình Của (3+7+3) = 13 m	80	Phố Nguyễn Ngọc Đồng
3	Đường N2	Từ Nguyễn Đức Thuận đến đường 52m (2+5+2) = 9 m	120	Phố Hoàng Văn Tuấn
4	Đường N3	Từ Bế Văn Đàn đến đường 52m (2+5+2) = 9 m	120	Phố Đào Văn Tiến
5	Đường D3	Từ Vũ Văn Hiếu đến đường 52m (2+5+2) = 9 m	100	Phố Phạm Thị Vân
II	Khu Tái định cư Đông Đông Mạc: 08 tuyến			
6	Đường ven mương T3-11	Từ Phù Nghĩa đến Nguyễn Đức Thuận (3+10,5+5) = 18 m	850	Đường Nguyễn Đức Cảnh
7	Đường A2	Từ Trần Thánh Tông đến Nguyễn Thi (3+6+3) = 12 m	170	Phố Trần Đăng Huỳnh
8	Đường N4	Từ đường D7 đến đường N10 (4+7+4) = 15 m	466	Phố Phạm Văn Xô
9	Đường D4	Từ Đông Mạc đến Trần Thánh Tông (4+7+4) = 15 m	359	Phố Nguyễn Thị Trinh
10	Đường N10	Từ mương T3-11 đến Nguyễn Thi (4+7+4) = 15 m	109	Phố Phạm Thế Lịch
11	Đường D3	Từ đường N4 đến Trần Thánh Tông (3+7+3) = 13 m	188	Phố Lã Xuân Oai
12	Đường D6	Từ mương T3-11 đến N4 (3+7+3) = 13 m	160	Phố Trần Cao Vân

13	Đường D8	Từ đường N4 đến đường D4 (2+5+2) = 9 m	95	Phố Trịnh Đình Thảo
III	Khu Đô thị mới Hoà Vượng: 40 tuyến			
14	Đường Đ3	Từ Nguyễn Công Trứ đến đường Đ4 (1+6+1) = 8 m	106	Phố Đặng Tiến Đông
15	Đường I3	Từ Ngô Sỹ Liên đến đường I2 (1+6+1) = 8 m	137	Phố Đinh Thúc Dực
16	Đường Đ2	Từ Phạm Văn Nghị đến đường Đ1 (1+6+1) = 8 m	94	Phố Hồ Xuân Hương
17	Đường L2	Từ Trương Hán Siêu đến đường L4 (1+6+1) = 8 m	89	Phố Nguyễn Biểu
18	Đường L3	Từ Nguyễn Văn Hoan đến đường L1 (1+6+1) = 8 m	88	Phố Trần Quang Triều
19	Đường L1	Từ Phùng Chí Kiên đến đường L2 (1+6+1) = 8 m	81	Phố Phạm Công Trứ
20	Đường L4	Từ Nguyễn Công Trứ đến đường L3 (1+6+1) = 8 m	81	Phố Hoàng Minh Giám
21	Đường Đ1	Từ Trần Đại Nghĩa đến đường Đ3 (1+6+1) = 8 m	72	Phố Trần Bá Giáp
22	Đường Đ4	Từ Trần Khánh Dư đến đường Đ2 (1+6+1) = 8 m	71	Phố Đào Diệu Thanh
23	Đường M2	Từ Nguyễn Văn Hoan đến đường M4 (1+6+1) = 8 m	67	Phố Đội Nhân
24	Đường M3	Từ Trần Nguyên Đán đến đường M1 (1+6+1) = 8 m	66	Phố Khúc Hạo
25	Đường N3	Từ đường N1 đến Đặng Văn Ngữ (1+6+1) = 8 m	64	Phố Độc Ngừ
26	Đường N2	Từ đường N4 đến Trần Nguyên Đán (1+6+1) = 8 m	62	Phố Đặng Dung
27	Đường A4	Từ đường Đào Sư Tích đến đường A2 (1+5+1) = 7 m	176	Phố Nguyễn Thực

28	Đường A2	Từ đường A1 đến đường B2 (1+5+1) = 7 m	139	Phố Trần Bá Ngọc
29	Đường H3	Từ Lê Văn Hưu đến đường H4 (1+5+1) = 7 m	125	Phố Phạm Hữu Du
30	Đường H2	Từ Chu Văn An đến đường H1 (1+5+1) = 7 m	124	Phố Đình Lễ
31	Đường I1	Từ Chu Văn An đến đường I3 (1+5+1) = 7 m	121	Phố Vũ Cao
32	Đường C2	Từ Nguyễn Công Trứ đến đường C1 (1+5+1) = 7 m	100	Phố Trần Thiên Trạch
33	Đường G1	Từ Trần Khánh Dư đến đường G3 (1+5+1) = 7 m	87	Phố Trần Nhân Trứ
34	Đường D4	Từ Trần Đại Nghĩa đến đường D2 (1+5+1) = 7 m	84	Phố Trần Bá Hai
35	Đường G4	Từ Ngô Sỹ Liên đến đường G2 (1+5+1) = 7 m	84	Phố Bùi Tân
36	Đường H1	Từ Trần Khánh Dư đến đường H3 (1+5+1) = 7 m	84	Phố Bùi Ngọc Oánh
37	Đường I2	Từ Trần Khánh Dư đến đường I1 (1+5+1) = 7 m	84	Phố Đặng Thế Phong
38	Đường H4	Từ Ngô Sỹ Liên đến đường H2 (1+5+1) = 7 m	83	Phố Đỗ Hựu
39	Đường B3	Từ Trần Khánh Dư đến đường B1 (1+5+1) = 7 m	78	Phố Phó Đức Chính
40	Đường G3	Từ Nguyễn Công Trứ đến đường G4 (1+5+1) = 7 m	77	Phố Nguyễn Cảnh Dị
41	Đường C3	Từ Trần Đại Nghĩa đến đường C2 (1+5+1) = 7 m	76	Phố Vũ Phạm Hàm
42	Đường F2	Từ Chu Văn An đến đường F1 (1+5+1) = 7 m	74	Phố Trần Tử Bình
43	Đường F3	Từ Phạm Văn Nghị đến đường F4 (1+5+1) = 7 m	74	Phố Vũ Giao Hoan
44	Đường B1	Từ Đào Sư Tích đến đường A2 (1+5+1) = 7 m	73	Phố Phan Kế Bính
45	Đường E3	Từ Phạm Văn Nghị đến đường E4 (1+5+1) = 7 m	72	Phố Phan Phú Tiên

46	Đường F4	Từ Trần Khánh Dư đến đường F2 (1+5+1) = 7 m	71	Phố Lê Trọng Hàm
47	Đường F1	Từ Trần Đại Nghĩa đến đường F3 (1+5+1) = 7 m	70	Phố Kim Đồng
48	Đường C1	Từ Nguyễn Viết Xuân đến đường C3 (1+5+1) = 7 m	65	Phố Đỗ Quang
49	Đường B2	Từ Trần Anh Tông đến đường B3 (1+5+1) = 7 m	63	Phố Tôn Thất Đàm
50	Đường D3	Từ Nguyễn Công Trứ đến đường D4 (1+5+1) = 7 m	63	Phố Trần Bích Hoàn
51	Đường G2	Từ Lê Văn Hưu đến đường G1 (1+5+1) = 7 m	63	Phố Lý Văn Phức
52	Đường A3	Từ Nguyễn Viết Xuân đến đường A4 (1+5+1) = 7 m	48	Phố Lê Hiến Giản
53	Đường K1	Từ Trần Khánh Dư đến Chu Văn An (1+4,5+1) = 6,5 m	179	Phố Nguyễn Thiếp
IV	Khu đô thị mới Thống Nhất: 23 tuyến			
54	Đường N5	Từ N32C đến N35 (5+23+5) = 33 m	331	Phố Nguyễn Lương Bằng
55	Đường D5	Từ N4 đến N35 (5+10,5+5) = 20,5 m	500	Đường Nguyễn Chí Thanh
56	Đường N4	Từ N27 đến N39 (5+10,5+5) = 20,5 m	470	Phố Văn Tiến Dũng
57	Đường D9	Từ N35 đến N74 (5+10,5+5) = 20,5 m	339	Phố Hoàng Văn Thái
58	Đường D10	Từ N46 đến N83 (3+14+3) = 20 m	287	Phố Đào Duy Tùng
59	Đường N6	Từ N43 đến N49 (3+10,5+3) = 16,5 m	475	Phố Lê Văn Lương
60	Đường N7	Từ N56 đến N61 (3+10,5+3) = 16,5 m	451	Phố Đoàn Khuê
61	Đường N2	Từ N11A đến N19 (3+10,5+3) = 16,5 m	425	Phố Lê Tiến Phức
62	Đường N8	Từ N69 đến N74 (3+10,5+3) = 16,5 m	270	Phố Hoàng Sâm
63	Đường N1	Từ N5A đến N10 (3+10,5+3) = 16,5 m	253	Phố Phan Anh

64	Đường N9	Từ N38 đến N36 (3+10,5+3) = 16,5 m	115	Phố Lương Khánh Thiện
65	Đường D3	Từ N8 đến N45 (3+7,5+3) = 13,5 m	608	Đường Mỹ Tho
66	Đường D8	Từ N19 đến N61 (3+7,5+3) = 13,5 m	513	Đường Huỳnh Tấn Phát
67	Đường D6	Từ N17A đến N23A (3+7,5+3) = 13,5 m	420	Phố Vũ Đình Liệu
68	Đường D7	Từ N19 đến N48 (3+7,5+3) = 13,5 m	409	Phố Lê Ngọc Rư
69	Đường N3	Từ N20 đến N26A (3+7,5+3) = 13,5 m	346	Phố Nguyễn Phúc
70	Đường D4	Từ N9 đến N21 (3+7,5+3) = 13,5 m	250	Phố Lưu Chí Hiếu
71	Đường N11	Từ N52 đến N51A (3+7,5+3) = 13,5 m	165	Phố Phạm Ngọc Hồ
72	Đường D12	Từ N82 đến N51B (3+7,5+3) = 13,5 m	140	Phố Vũ Mạnh Hùng
73	Đường D11	Từ N18 đến N24 (3+7,5+3) = 13,5 m	120	Phố Sơn Nam
74	Đường D2	Từ N6 đến N56B (1,5+5,5+3) = 10 m	780	Đường Đặng Đoàn Bằng
75	Đường N12	Từ N65 đến N62 (2+7,5+2) = 11,5 m	270	Phố Vũ KhêBAT
76	Đường N10	Từ N46A đến N40A (2+5,5+2) = 9,5 m	150	Phố Phạm Thế Hiện
V	Khu tái định cư Dịch vụ văn hóa Trần: 11 tuyến			
77	Đường D5	Từ Quốc lộ 10 đến đường N7 (3,5+10+3,5) = 17 m	569	Đường Trần Minh Tông
78	Đường N5	Từ đường D5 đến đường D1 (5+15+5) = 25 m	255	Phố Trần Thị Dung
79	Đường D4	Từ đường D1 đến đường N7 (4+8+4) = 16 m	525	Đường Trần Duệ Tông
80	Đường D3	Từ đường N5 đến đường N7 (4+8+4) = 16 m	215	Phố Phụng Dương
81	Đường N6	Từ đường D5 đến đường N7 (4+8+4) = 16 m	167	Phố Trần Khắc Chung
82	Đường N7	Từ đường D5 đến đường N6 (4+8+4) = 16 m	160	Phố Trần Quốc Tảng
83	Đường N2	Từ đường D1 đến đường D5 (4+8+4) = 16 m	130	Phố Trần Chiêu Đức
84	Đường N3	Từ đường D2 đến đường D4 (3+7+3) = 13 m	113	Phố Huyền Trân
85	Đường N4	Từ đường D2 đến đường D4 (3+7+3) = 13 m	109	Phố Trần Đạo Tái

86	Đường D2	Từ đường D1 đến đường N5 (3+7+3) = 13 m	105	Phố Trần Đình Thâm
87	Đường D3'	Từ đường D1 đến đường N2 (3+7+3) = 13 m	50	Phố Trần Đình Huyền
VI	Khu tái định cư Đồng Quýt: 8 tuyến			
88	Đường N2	Từ đường D10 đến đường D3 (5+11+5) = 21 m	420	Phố Trần Quốc Hoàn
89	Đường D4	Từ Tôn Thất Tùng đến đường N2 (3+7+3) = 13 m	130	Phố Đặng Văn Minh
90	Đường D2, N2'	Từ Tôn Thất Tùng đến Phan Huy Chú (3+7+3) = 13 m	450	Phố Phạm Huy Thông
91	Đường D10	Từ Bùi Thị Xuân đến đường N1 (3+7+3) = 13 m	300	Phố Đỗ Nguyên Sáu
92	Đường D8	Từ Bùi Thị Xuân đến N2' (3+7+3) = 13 m	205	Phố Phan Huy Ích
93	Đường D3	Từ Tôn Thất Tùng đến N2 (3+7+3) = 13 m	130	Phố Đặng Tất
94	Đường D11	Từ Song Hào đến đường N7 (3+5+3) = 11 m	97	Phố Lê Trực
95	Đường N7	Từ Đặng Thái Mai đến Phan Huy Chú (3+5+3) = 11 m	90	Phố Vũ Công Tự
VII	Khu tái định cư Phạm Ngũ Lão II: 02 tuyến			
96	Đường N2A, N2B	Từ Vũ Tuấn Chiêu đến Trần Tuấn Khải (2+5+2) = 9 m	45	Phố Trương Định
97	Đường N3A, N3B	Từ Ngô Gia Khảm đến Lê Văn Phúc (2+5+2) = 9 m	65	Phố Xuân Hồng
VIII	Khu tái định cư Dầu Khí: 01 tuyến			
98	Đường D2	Từ N1 đến Phùng Khắc Khoan (3+7+3) = 13 m	175	Phố Phạm Văn Ngộ
IX	Khu tái định cư Trầm Cá: 04 tuyến			
99	Đường N6B	Từ Nguyễn An Ninh đến Lê Anh Xuân (3+7+3) = 13 m	90	Phố Đỗ Huy Uyển
100	Đường N2	Từ Nguyễn An Ninh đến Lê Anh Xuân (3+7+3) = 13 m	85	Phố Nguyễn Cảnh Chân
101	Đường N1	Từ Nguyễn Huy Tưởng đến Trần Khát Chân (2+5+2) = 9 m	119	Phố Hoàng Ngọc Phách

102	Đường D1	Từ Đào Hồng Cẩm đến Xuân Diệu (2+5+2) = 9 m	50	Phố Hoài Thanh
X	Khu tái định cư Hàng Nan: 02 tuyến			
103	Đường D1	(3+7+3) = 13 m	143	Phố Nguyễn Hữu Huân
104	Đường D2	(3+7+3) = 13 m	136	Phố Phạm Đình Kính
XI	Khu Tái định cư Tây 38: 02 tuyến			
105	Đường D1	Từ Trần Thừa đến QL 10 (6+7,5+5) = 18,5 m	293	Phố Trần Nghệ Tông
106	Đường D2	Từ Trần Thừa đến đường N4 (2,5+6+2,5) = 11 m	183	Phố Trần Bang Cẩn
XII	Khu tái định cư Cầu Vượt: 01 tuyến			
107	Đường nối đường Đặng Văn Ngữ - Nguyễn Văn Hoan	Từ Nguyễn Văn Hoan đến Đặng Văn Ngữ (2,5+7+2,5) = 12 m	300	Phố Bùi Đình Hòe
XIII	Phường Năng Tĩnh: 01 tuyến			
108	Đường nối Ngã 6 - Nguyễn Hồng	Từ Ngã 6 Năng Tĩnh đến Nguyễn Hồng (1,5+7+1,5) = 10 m	34	Phố Vũ Xuân Thiều
XIV	Phường Trần Quang Khải: 01 tuyến			
109	Đường N5	Từ N6 đến Trần Bích San (3+7+3) = 13 m	62	Phố Tô Vĩnh Diện
XV	Phường Thống Nhất + Quang Trung: 02 tuyến			
110	Đường nối Trường Chinh Ngõ 90+92 Mạc Thị Bưởi	Từ Trường Chinh đến đường 52m (2+12+2) = 16 m	342	Phố Ngô Gia Tự
111	Đường nối Trần Thánh Tông - Nguyễn Đức Thuận	Từ Trần Thánh Tông đến Nguyễn Đức Thuận (1+4+1) = 6m	830	Đường Vũ Năng An
XVI	Phường Trường Thi: 01 tuyến			
112	Đường D1	Từ Giải Phóng đến ngã 4 giao với ngõ 192 Trần Huy Liệu (2+5+2) = 9 m	160	Phố Xuân Trình
XVII	Xã Mỹ Xá: 01 tuyến			
113	Đường trục xã Mỹ Xá	Từ Trần Huy Liệu đến QL 10 (1+6+1) = 8 m	1.320	Đường Mỹ Xá
XVIII	Phường Hạ Long: 01 tuyến			
114	Đường nối đường D3 và D4 của khu TĐC Đông Đông Mạc	Đường nối đường D3 và D4 của Khu TĐC Đông Đông Mạc (3+8+3) = 14 m	75	Phố Nguyễn Văn Vịnh

II. Đặt tên cầu

STT	Địa điểm	Diện tích	Đặt tên mới
1	Cầu nằm trên đường Trần Huy Liệu - Km 2 +500	Cầu dài 11m, rộng 11m H30-XB80	Cầu Vị Dương

III. Đặt tên công trình công cộng

STT	Địa điểm	Diện tích	Đặt tên
1	Nhà Thi đấu đa năng và Bể bơi nằm trên QL10, phường Lộc Vượng, NB	Diện tích: 7.931 m ²	Cung Thể thao tỉnh Nam Định

IV. Đổi tên đường

STT	Tên đường hiện tại	Chiều dài (mét)	Đặt tên mới
1	Đường Nguyễn Ngọc Đồng	1000	Đường Lộc Vượng

V. Tuyến đường kéo dài

STT	Tuyến đường	Địa giới đường	Chiều dài (mét)
1	Đường xây dựng mới nối tiếp đường Trần Hưng Đạo	Từ cổng công viên Túc Mạo đến đường Đông A $(8+14+8) = 30$ m	660
2	Đường xây dựng mới nối tiếp đường Yết Kiêu	Từ đường Đông A đến đường Trương Hán Siêu $(2,5+4+2,5) = 9$ m	200
3	Đường xây dựng mới nối tiếp đường Đinh Thị Vân	Từ đường Phù Nghĩa đến đường D4 (khu Đông Đông Mạo) $(3+7+3) = 13$ m	146
4	Đường xây dựng mới nối tiếp đường Lê Ngọc Hân	Từ đường Phù Nghĩa đến đường D4 (khu Đông Đông Mạo) $(4+7+4) = 15$ m	125
5	Đường xây dựng mới nối tiếp đường Nguyễn Thượng Hiền	Từ Nguyễn Tri Phương đến Trần Huy Liệu $(3+5+3) = 11$ m	120